

NỮ-SĨ TIỀN-PHONG
NAM XUÂN THỌ

SƯƠNG
NGUYỆT ANH
(NGUYỄN XUÂN KHUÊ)
1864 — 1924

PHỤ
TRẦN KIM PHỤNG
TRẦN NGỌC LẦU

TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
THÂN VIỆT

LỜI NÓI ĐẦU

Trong số nữ-sĩ nổi tiếng ở Nam-Trung về trước, được nhắc-nhở nhiều là Nguyễn xuân Khuê tức Sương Nguyệt Anh, Trần ngọc Lầu và Trần kim Phụng.

Cả ba nữ-sĩ kể trên đều sinh đồng thời — giữa lúc non sông khét mùi thuốc súng của liên-quân Pháp-Y xâm-lăng (1862).

Cùng có tâm-chí cao-khiết, cùng có tài-đức hơn người, nhưng cảnh-ngộ của ba người đã trải, mỗi người riêng một cảnh, mà đều là cảnh nghịch ; cảnh nào cũng là cảnh đờn-đau làm cho bầm-dập tấm lòng người trong cuộc.

Thơ-văn của ba nữ-sĩ ấy còn ghi nơi các báo xưa, phản-ảnh tâm-hồn nhiều khờ-cực đắng-cay.

Cùng giống đa tình, cùng loài đa cảm, nhân thích cái thú bên đèn đọc những cồ-kim giai-vận, rung-động vì đường tơ nước-nở trong điệu đàn lòng của ba trang nữ-sĩ tài-hoa, chúng tôi xin soạn thành một tập những phong-lưu dật-sự, đề cùng chia mỗi cảm với người xưa và góp với người nay chút tài-liệu về thơ-văn của phụ-nữ Việt-nam.

SƯƠNG NGUYỆT ANH
(NGUYỄN XUÂN KHUÊ)
(1884 — 1921)

Nguyễn xuân Khuê, (1) thuở xuân xanh đang độ, lấy hiệu là Nguyệt Anh. Đến khi đứt gánh nửa chừng xuân, bèn thêm vào ở trước biệt hiệu một chữ Sương, thành Sương Nguyệt Anh.

Sương Nguyệt Anh là một phụ-nữ Việt-nam đầu tiên đã chủ trương tờ báo « *Nữ-giới-chung* ».

Lùng-lẫy tiếng nữ-lang tài-tuấn, Sương Nguyệt Anh thật chẳng hổ là con nhà thư-hương cao khi-tiết.

Nội-tổ của nữ-sĩ là Nguyễn đình Huy, hiệu Dương-minh-phủ, quán xã Bồ-diễn, huyện Phong-diễn, tỉnh Thừa-thiên; năm 1820 được bổ làm thư-lại ở Văn-hàn ti tại tả-quân-dinh tức dinh tả-quân quận-công Lê Văn Duyệt.

Thân-sinh là Nguyễn Đình Chiều, hiệu Trọng-phủ hoặc Mạnh-trạch-phủ, sinh nơi làng Tân-khánh, huyện Bình-dương, tỉnh Gia-định, thi đỗ tú-tài đời vua Thiệu-trị, về sau nức danh trung-nghĩa, sảo thông Dịch-học, toán-bốc nho-y đều thạo, lừng tên-tuổi với những bài văn-tế các

(1) Nhiều bài đăng trên báo lại viết là Nguyễn ngọc Khuê, hoặc Nguyễn thị Ngọc Khuê, hoặc Nguyễn thị Xuân Khuê. Ý rằng, người chị lót chữ « Ngọc », nên người em lót chữ « Kim » (Nguyễn kim Xuyên). Nhưng theo phần đông đều chép là Nguyễn xuân Khuê. Ý rằng, chị lót chữ Xuân, em lót chữ Kim, mà Kim thuộc mùa thu. Thế mới chính. — Riêng sách « *Điều cở hạ kim thi-tập* » của Nguyễn liên Phong chép là Nguyễn thị Khuê, không có « Ngọc » mà cũng không « Xuân ».

SƯƠNG NGUYỆT ANH

nghĩa-sĩ và trứ tác văn-thơ rất nhiều, được truyền tụng nhất là bản thơ « *Lục Vân Tiên* », (1)

Sương Nguyệt Anh là con gái thứ năm của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu. Người chị thứ tư tên Nguyễn kim Xuyến, học hành cũng giỏi. Hai chị em đều hay chữ, giỏi thơ, gần xa xưng tụng nhị Kiều.

(1) Xin xem tập « *Nguyễn đình Chiểu* » do nhà TÂN VIỆT đã xuất bản.

TREO CAO GIÁ NGỌC

Truyền rằng : trong lúc ngụ-cư ở Ba-tri, cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu sinh-nhai về nghề thuốc và dạy học. Lúc bấy giờ, trong vùng cũng có trường của quan ngự-sử Lê đình Lượng. Trong đám học-trò trường quan ngự-sử, có đôi ba anh gấm-ghé hai cô gái cụ đồ. Nặng lòng yêu « cô Năm » Nguyễn xuân Khuê nhất là hai anh Giảng và Xương.

Cụ đồ Chiểu vốn làm thuốc rất có danh, nên ngày nào cũng dập-diu kẻ mời người rước, ít khi cụ ở nhà. Ấy vẫn là dịp tiện cho hai anh Giảng và Xương lui tới nhà cụ đồ mà trêu-gheo cô Năm.

Một hôm, nhân lúc cụ đồ đi khỏi, hai anh ấy mượn tiếng đến chơi cờ và bình-luận thi-văn, nhưng trong lòng thì quyết sẽ bạo-dạn thừa dịp mà ngỏ lòng ướm ý, xem đài gương có soi đến dấu bèo cho chăng.

Sau khi cờ tàn, thi ngấm mỗi, thừa dịp đang vui thân-mật, hai anh cùng ngỏ nỗi lòng.

Thuyền duyên có một mà anh-hùng những hai. Cô Năm ngẩn-ngơ ngỏ ý mình trong một câu đối :

« Đấng tiểu quốc, sự Tề hồ ? sự Sở hồ ?

Nghĩa :

Đấng quốc xưa nay phận nhỏ-nhen,

Trên chi Tề, Sở ép hai bên.

Quay đầu với Sở e Tề giận,

Ngoảnh mặt về Tề sợ Sở ghen.

Câu đối đã ra, hai anh kia nhăn mặt, khổ nỗi tìm câu

đổi lại. Trong lúc anh Giảng còn ngẫm-nghĩ, anh Xương vụt cười nói :

— Tôi xin đổi.

Cô Năm mỉm cười :

— Xin cho nghe.

Xương tăng-hắng, rồi trình-trọng đọc :

« Ngã đại trượng, phạt Quách hỹ, phạt Sở hỹ.

Nghĩa :

Có ai đương nổi gậy dài ta

Ngang-dọc tung-hoành đủ lối mà.

Đánh Quách ghê hồn quân xếp giáp

Phá tan binh Sở tiếng đồn xa.

Vừa nghe câu đổi lại, cô Năm đỏ bừng mặt, lũng-thũng trở gót vào buồng.

Giảng và Xương ngồi ngoài cùng nhìn nhau bỡ-ngỡ, dở về dở ở.

Giây lâu, một em bé bỗng bước ra trao cho hai anh một mảnh giấy, trong viết vồn-vẹn hai câu :

« Chiêu-quân (1) nhan-sắc nghe ra ưởng,

« Tây-tử (2) phong-lưu nghĩ lại buồn.

Hai câu tuyệt bút, lai-láng ý sâu, gồm cả một trời sâu-hận.

(1) và (2) Chiêu-quân tên thật là Vương Tường, và Tây-tử tức Tây Thi, đều là hai trang tuyệt sắc, duyên phận thảm đau.

BẠC PHẬN HỒNG-NHAN

Đến hăm-bốn tuổi, Nguyễn xuân Khuê sánh duyên cùng vị phó-tổng Nguyễn công Tính, sinh được một gái. Nhưng chẳng bao lâu chồng mất. Nửa chừng xuân, đau-khổ muôn vản :

*Năm canh thức nhấp... năm canh những...
Nửa gối so-le, nửa gối chờ.
Vườn én rủ-ren trên lối cũ
Canh gà xao-xác giục tình xưa.*

Đêm đêm ôm đura con gái — Nguyễn thị Vinh — mới vừa ba tuổi, Nguyễn-thị hẳn đã rơi giọt lệ thầm.

Chính trong lúc này, ong-bướm xôn-xao trêu-gheo. Và cũng là lúc mà Nguyễn-thị nêu cao gương tiết-liệt cho đời sau chiêm-ngưỡng.

Trước hết thầy bầy Nguyễn ở Mỗ-cày lên tiếng :

*Ai về nhắn vời Nguyệt Anh có :
Chẳng biết lòng cô tình thề mớ ?
Không phải vãi chùa toan đóng cửa,
Đây hồng gấm-ghé bắt cầu Ô.*

Nguyễn-thị đã đoan-trang trình-liệt họa rằng :

*Chẳng phải tiên-cô cũng đạo-cô,
Cuộc đời dâu bể biết là mớ ?
Lọng sườn dầu rách còn kêu lọng,
Ô bị vàng ròng tiếng cũng ô.*

Xem bài họa, thoát mở đầu, lòng đạo của Nguyễn-thị

đã phát-liết trong hai câu : « *Chẳng phải tiên-cô cũng đạo-cô, Cuộc đời dâu biển biết là mô ?* ». Kế tiếp lại giải-bày : Thân lọng dầu chỉ còn trơ có cái sườn đi nữa, tiếng đời vẫn còn kêu là lọng. Chỉ như cái ô, dầu đem bịt vàng ròng, ô vẫn là ô. Từ đẹp, ý cao, chứng-minh một tấm lòng trong, thân sạch. Thà cam làm chiếc lọng trơ sườn, quyết không khứng chịu tiếng ô, dầu được đem vàng ròng tô-diềm cũng mặc.

Nguyễn-thị lại họa thêm, đề tách-bạch tỏ-bày tâm-chí .

*Phải thời cô quả, chịu thời cô (1),
Chẳng biết tuồng đời lính thê mô ?
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa,
Ngọc lành chi để thẹn danh ô.*

Nhưng nào đã hết đâu những người trêu hoa ghẹo nguyệt. Ông phủ Học kế tiếp thầy bầy Nguyễn, bông-lơn :

*Phải gần với Nguyệt lúc lưng voi,
Đặng hỏi Hằng Nga những sự đời.
Ở hạ mây-mưa còn kém sắc,
Về thu non-nước tỏ cùng nơi.
Hay trông Du Lượng xây lầu rước ?
Hoặc đợi Thanh Liên (2) cất chén mời ?
Vóc ngựa há sồn cơn gió bụi,
Tài-tình rõ mặt khá đua bơi.*

Nguyễn-thị họa :

*Hết lúc trăng đầy đến lúc voi,
Nên hư trong cuộc phải coi đời.
Ven mây bóng thổ soi ngàn dặm,
Đáy nước cung thiềm tỏ khắp nơi.
Nột trí đưa gian hèm vẻ rạn,
Vui lòng người triết thú đua bơi.*

(1) Thân-phận lẻ-loi: góa-bụa.

(2) Hiệu của Lý Bạch.

*Khởi vòng hồi thực ửng ra mặt,
Đứng giữa trời xanh tiết chẳng đời.*

Đàn lòng đã rung tơ lay sóng cảm, ngón đàn tươi nhịp lại bấm đường tơ vang nhạc-khúc thứ hai, vừa hòa điệu lại vừa đề tỏ niềm u-uất nơi lòng gái Việt xót xa buồn « *Cát đất thương thay ! cuộc giãng hòa* » (1)

*Đường xa vơi vơi dặm vơi vơi,
Nghĩ nổi mây xanh ngán sự đời.
Biển ái sóng ân còn lắm lúc,
Mây ngàn hạc nội biết là nơi.
Một dây oan-trái rồi vay trả,
Mấy cuộc tang thương dễ đổi đời.
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ,
Gặp cơn nguy-hiểm khó đưa bơi.*

Nếu ta biết rằng cái cảnh-ngộ của Nguyễn-thị là cái cảnh dứt gánh nửa chùng xuân, thì khi ngâm bài họa đến câu « *Một dây oan trái rồi vay trả* », lòng ta tất phải ngậm-ngùi. Rồi ngâm câu giống tiếp : « *Mấy cuộc tang thương dễ đổi đời* » cùng cho sóng đôi với câu kết ở bài họa trên : « *Đứng giữa trời xanh tiết chẳng đời* », hỏi ai không kính-phục một tâm-hồn cao-khiết ?

Săn-dón, đơn-ren nhiều hơn cả là ông bá Liễu ở Mỹ-tho :

*Trời đất ghen chi dự sắc tài !
Vườn xuân vội ủa bấy phần mai.
Gương loan sáng-sốt càng ngư-ngáo,
Phấn vẽ dồi-mài lại kém phai.
Lặng-lẽ duyên hồng tơ-tóc vẫn,
Vấn-vương phận liễu tháng ngày dài,
Bóng đào bao thuở thay đôi lứa,
Nỡ đề trắng thu bóng xế đoài.*

(1) Thơ của Phan Văn Trị tức Cử Trị.

Nguyễn-thị vẫn kiên trinh, họa :

*Tài không sắc, sắc không tài,
Lá úa nhanh khô cũng tiếng mai.
Ngọc ánh chi nài son phấn đượm,
Vàng ròng há sợ mất màu phai.
Ba giếng trước đã xe tơ vắn,
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.
Dầu khiến duyên này ra đến thế,
Trắng thu dầu xẻ rạn non đoài.*

Rồi đến một văn-hữu là Võ Sâm cũng lai-láng cảm, mà có thơ đề tặng :

*Đem mình mai-một chốn non thần,
Cái vóc hoa lành cảm bấy xuân.
Cội ấm bóng yêm lò nét bạc,
Nhành sương lá tuyết ánh màu ngân.
Hương thơm đẹp ý người du cảnh,
Ngút sạch vui chân khách lạc trần.
Nỡ chẳng vẽ hình nơi cửa sấm,
Đem mình mai-một chốn non thần.*

Bài trên đây, nguyên là Võ Sâm dựa vào một bài của Sương Nguyệt Anh đề là « *Thưởng bạch mai* » ở núi Điện-bà, mượn đủ cả văn và cảnh ấy mà họa tặng lại người đã đề vịnh cây mai trắng, vì người ấy quả đã xứng-đáng với mai thần.

Đây, nguyên văn bài « *Thưởng bạch mai* » của Nguyễn-thị cảm đề :

*Non linh đất phước trở hoa thần,
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,
Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngân.
Mây lành gió tạnh nường hơi chánh,
Vóc ngọc mình băng bật khói trần.*

SƯƠNG NGUYỆT ANH

*Sắc nước hương trời nên cảm mến,
Non linh đất phước trở hoa thần.*

Và này đây, tuy thăm-thê nổi giường đơn quanh bóng,
nhưng khăng khăng bền một tiết kiên trinh, lấm lòng
trong-trắng của Sương Nguyệt Anh hàm-ngụ trong bài
« Vịnh ni-cô ».

*Dẫn-dối xa gần tiếng pháp chung,
Tình đời ấm-lạnh đã nguôi lòng.
Am thanh thăm-thăm trần-ai lặng,
Các tịnh lâu-lâu ngọc giá trong.
Cánh cửa từ-bi nương phạn bạc,
Mảnh gương tế-độ nhuộm màn hồng.
Trời tây biển khổ thêm ngao-ngán,
Tĩnh giác hoàng-lương nguyệt nửa vòng.*

TÌNH VỚI NƯỚC NON

Sương cư thủ-tiết, lòng đã nguyện với lòng ; nỗi riêng
đau đau-khổ đến điều, Nguyễn xuân Khuê trước sau vẫn
không quên phận-sự con người đối với xã-hội, nhất là
bồn-phận dân nước trong cảnh non nước bốn chia năm xé.

Tiểu ông Trần Khải Sơ làm kinh-lịch, tục gọi ông Kinh
Hối, từ Bến-tre dời về Sa-đéc, Nguyễn-thị ân-cần kêu-gọi
cái tinh-thần quốc-gia chủng-tộc :

*Nghìn xưa dễ mấy hội tao-phùng.
Sa-đéc nay thầy tách cõi đông.
Phong-cảnh mặc dầu chia đất khác ;
Nắng-mưa đâu cũng đối trời chung.
Quê người tạm gởi nhành dương-liễu,
Đường hoạn xin tròn phận kiếm-cung.
Cái phận râu-mày thì phải vậy,
Nặng bằng non Thái nhẹ bằng lông.*

Một khi vua Thành-thái ngự giá vào Nam, Nguyễn-thị
ngùi ngùi nhớ nước thương dân, trông vua mà chạnh lòng
cực điểm :

*Nghìn thu may gặp hội minh-lương,
Thiên-hạ ngày nay trí mở-mang.
Tấc đất ngọn rau tràn dưới mắt,
Đai cơm bầu rượu chật ven đàng.
Vui lòng thánh-đế nơi xe ngựa,
Xót dạ thần-dân chốn lửa than.
Nước mắt cơ-cùng trời đất biết,
Biển dâu một cuộc thấy mà thương.*

Lại khi thấy lính Việt bị đưa xuống tàu sang Pháp tòng chinh (1914-1918), Nguyễn-thị càng chua-xót tấm lòng:

*Đình thảo thành sao liễu hựu ti.
Chinh phu hà nhật thị quy kỳ,
Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ.
Nhất chầm đề quyển lạc lệ thì,
Tài bắc vân trưng cô nhạn ảnh.
Giang-san xuân tận tảo nga mi,
Tác lai kỷ độ tương tư mộng,
Tằng đảo quân biên tri bất tri ?*

Người em là Nguyễn đình Chiêm dịch :

*Cổ rạp sân thềm liễu rủ hoa,
Chàng đi bao thuở lại quê nhà.
Nửa đêm trăng xế lòng ngao-ngán,
Chiếc gối quyển gào lụy nhỏ sa.
Ai bắc mây giăng che bóng nhạn,
Vườn xuân nắng tạc ủ mây nga.
Nhớ nhau mấy lúc chiêm-bao thấy,
Nghìn dặm lang-quân biết chẳng là.*

Hơn nữa, dưới ngòi bút điêu-luyện của người đã rèn-trui chí, giữ cho tiết sạch giá trong, lại nặng mang tâm-hồn yêu quê-hương đất tổ, Nguyễn-thị chẳng những cảm nỗi nước non mình, mà cũng chạnh niềm hoài-cảm những trang trung-trinh nghĩa-khí đã nêu tên trong sử-sách bốn phương, như Khuất Nguyên chẳng hạn. Ngày đoan-dương, Nguyễn-thị đã ngùi ngùi cảm mà tưởng-nhờ đến người đã thờ-thần trên sông Mich-la, nghèo-ngao ca vịnh, máu tim hòa lệ vì thương nước, yêu đời, đến nỗi buồn-rầu cực điểm mà gieo mình dưới sông sâu :

*Tiết đáo đoan-dương thời vũ lộ,
Giang tân hành lữ vô triều mộ.
Vãng lai thùy dữ điếu trung hồn ?
Cạnh cạnh yên ba hoành cồ độ.*

Một vị giáo-sư dịch :

*Mồng năm vào tiết gió mưa,
Hôm mai hành-khách lại qua bờn-chồn.
Nào ai thương khóc trung hồn ?
Non sông trông thấy mây tuôn sóng ngời.*

Ấy là Nguyễn-thị dùng văn-chương khích lệ con dân yêu nước.

Cho đến khi cảm thấy cuộc đời không theo như lòng mình nghĩ, kẻ đi xâm-lãng vẫn đối-trá quanh đề càng ngày càng siết chặt gọng kềm cai-trị, Nguyễn-thị tấm-tức, hăm-hực, rộn-rục khôn cùng với bao nỗi-niềm bối-rối.

*Thái tức trần-gian sự cánh vi,
Bỉ thương tạo-hóa dụng tâm bi.
Nan tri đề cuộc hoàn nan giải,
Tự tin đề hồi phản tự nghi.*

Nghĩa :

*Than cho sự thế cứ sai-lầm,
Trẻ tạo bày ra chẳng dụng tâm.
Cuộc ấy khôn hay cùng khó giải,
Tự tin ! ngờ vực ! rồi tơ tằm.*

RỘNG YÊU NHÂN-LOẠI

Như chúng ta đã biết ở mấy đoạn trên, cuộc đời của nữ-sĩ Sương Nguyệt Anh là cuộc đời góa-bụa đang lúc nửa chừng xuân. Nữ-sĩ sương cư thủ tiết, hầu cho « *SƯƠNG sa bóng NGUYỆT ÁNH màu ngán* » đề « *Vóc ngọc mình băng bất khói trần* » (1).

Sống cuộc đời cô-đơn, lạnh-lùng chốn phòng khuê, tự-nhiên tâm-trí ấy vẫn phải trải những giờ phút tẻ-mẻ sầu-thảm. Nhưng vốn giàu nghị-lực và tâm-chí hơn người, Nguyễn-thị đã hoàn toàn quên mình, đem mình vượt lên cảnh trí cao, sáng, đẹp, qua những áng văn-thơ lành-mạnh mà đời còn trân-trọng lưu-truyền, quý-mến.

Chồng chết, để lại người con gái vừa ba tuổi, Nguyễn-thị Vinh. Ở vậy nuôi con cho đến khi khôn lớn, Nguyễn-thị gả con cho Nhâm-sinh Mai văn Ngọc (2).

Không bao lâu, người con gái bất hạnh sớm qua đời, để lại cho Nguyễn-thị chắt-chiu một đứa cháu gái mới sinh ba bữa, nhũ danh Mai huyên Hoa (3). Còn cảnh nào xót-sầu-thảm hơn nữa ? ! Nguyễn-thị buồn-rầu, bỏ quê-quản, lên Sài-gòn. Bấy giờ, ông Lê Đức chủ trương tờ « *Nữ-giới chung* » (4) bèn mời Nguyễn-thị về cai-quản tòa báo. Từ

(1) Trong bài « *Vịnh bạch mai* » ở núi Điện-bà đã nói ở đoạn trước.

(2) Một nhà nho ở Mỹ-tho, phẩm-hạnh khác thường ; khi ông Phạm Quỳnh vào Nam có đến thăm, đã phải khen là một bậc cao-sĩ.

(3) Có nơi viết là Mai thuần Hoa.

(4) Tiếng chuông của nữ-giới.

ấy, Nguyễn-thị góp mặt trong làng văn. Và cũng từ ấy, bao nhiêu nỗi thương nỗi thảm riêng mình Nguyễn-thị đều vùi sâu tận đáy lòng ; suốt một đời, không hề viết một câu hay nói một lời nào than-thở. Trái lại, Nguyễn-thị dốc đến tâm-huyết, đem tình-cảm trong-sạch phổ-biến trong thi-văn lành-mạnh mà cống-hiến nhân-quần xã-hội, tô điểm non sông đất nước.

Cho đến nỗi, thấy người con rề góa vợ đã lám năm mà vẫn ở vậy, Nguyễn-thị thương cảm đề lời khuyên :

*Có lúc từng quyền, có lúc kinh,
Làm trai nào ắt khỏi tiền trình.
Bơ-thờ nắng gội hoa nghiêng nhụy,
Lầy-lắt mưa qua bướm giấu hình.
Ngửa mặt đành cam con thất hiếu,
Nghiêng tại chịu tiếng quỷ vô tình.
Dưới đời ai dứt đường sinh-hóa,
Trưởng thành riêng người quanh một mình.*

Dựa vào bài thơ gửi cho con rề này, ông Phan văn Hùm viết trên tuần báo « *Phụ-nữ tân-văn* » với tiêu đề « *Sương Nguyệt Anh và đạo tam tòng* », có đề lời bình-luận :

« ... Dòng-dõi nho-gia, thì đạo tam tòng của bà (Sương Nguyệt Anh) hẳn là gắt-gao nghiêm mật. Nàng *Kiều Nguyệt Nga* vai mang bức tượng thủ tiết với *Lục Vân Tiên* là chuyện của thân-sinh bà đặt ra, bà quên sao cho được lời dạy huấn của cụ *Đỗ Chiểu* ?...

... « Tuy-nhiên, đối với mình thì bà nghiêm-khắc, mà cùng người thì dường như bà có khoan dung. Dù bà không nghĩ hay là không dám nghĩ đến nỗi khổ-thống của sự sinh-lý bị kèm-thúc, thì bà cũng nghĩ đến cái lẽ « sinh-hóa », cũng nghĩ đến cái vật-dục của quần-sinh...

« Lời khuyên ấy « bài thơ gửi cho con rề », đề cho đàn-ông được, há lại không được đề cho đàn-bà hay sao !

Tôi (Phan văn Hùm) thiên về sự nghĩ rằng lời « *Dưới đời ai dứt đường sinh-hóa* » là một lời thông nghĩa (univoque) cho cả bên đàn-ông lẫn bên đàn-bà. Bà Sương Nguyệt Anh mà sương cư thủ tiết thì quyết là bà lấy điều ấy làm thanh-cao, song cũng chưa chắc bà sẽ phản-đối những ai là người đàn-bà góa trùng hôn tái tiểu.

« Đó là lời ức-thuyết của tôi (Phan văn Hùm). Tôi nghĩ rằng đối với nhà nho như bà Sương Nguyệt Anh, thì cái đạo tam tòng không phải là cái đạo bất khả xâm phạm mà « *Có lúc tòng quyền có lúc kinh* » chứ đâu dễ để cho « *Bơ-thờ nắng gội hoa nghiêng nhụy ; Lây-lắt mưa qua bướm giấu hình* »

Ý-kiến của ông Phan văn Hùm đã trưng dẫn, tưởng cũng đúng một phần nào với ý-nghĩ của Sương Nguyệt Anh. Xin nhấn mạnh — chỉ đúng một phần nào — vì bản tâm của Sương Nguyệt Anh chắc không hoàn toàn tán thành việc trùng hôn tái tiểu, mà chỉ tùy hoàn-cảnh chăm-chước cho người trong cuộc. Nhất là ý-tứ bài thơ đã nêu, có lẽ chỉ áp-dụng cho đàn-ông góa vợ trong cảnh quạnh-hiu trơ-trọi — chứ nếu đã có con đàn con đống thì hẳn là vấn-dề sẽ không thành. Huống chi đối với đàn-bà góa chồng, phải chăng phần cao-đẹp là phần sương cư thủ tiết ? Hay nếu có bước đi bước nữa, thì dù viện đến câu « *Dưới đời ai dứt đường sinh-hóa* », tưởng cũng là gượng-ép, không hẳn đúng với ý Sương Nguyệt Anh muốn nói.

Tuy-nhiên, ở Sương Nguyệt Anh, từ sau khi nếm mùi đau-khổ và riêng chịu cảnh ăn thảm nuốt sầu, lòng ấy không bao giờ muốn nhìn thấy ai đau-khổ cả, mà hằng an-ủi, khuyến-khích khắp mọi người, trong mọi cảnh, hầu mong xoa dịu vết thương đời.

MỘT VAI DẠT-SỰ

Ngoài những bài thơ hàm-ngụ ý-tình được truyền tụng, Sương Nguyệt Anh cũng có làm thơ theo lối « văn-chương trà dư tửu hậu », dễ thù ứng với đời, khá ý-vị.

Có ông thầy thuốc đi xa, người vợ nhớ chồng, đến cây Nguyễn-thị làm một bài thơ. Nguyễn-thị viết thành bài, mỗi câu đều có tên vị thuốc bắc :

*Viễn-chí lưu hành tháng mạnh đông, (1)
Trách lòng quán-tử quá thung-dung.
Tơ duyên thực-đoạn đà xao lãng,
Tình-nghĩa a-giao khó mặn nồng.
Quán-chúng ngậm-ngùi thương-nhĩ-tử,
Nhân-trần cảm cảnh bạch-đầu-ông.
Dù miền sinh-địa tìm khương-hoạt,
Cũng đoái phòng-phong phận quít hồng.*

Lương khắc Ninh và Nguyễn viên Kiều đi diễn-thuyết ở Ba-tri, chẳng rõ đã làm rình-rang rộn dăm thế nào, mà sau đó, người ta truyền tụng một bài của Sương Nguyệt Anh — cố nhiên, nhè dặt Ba-tri là nơi nhao-rồn của cụ Đồ mà dụng võ, Lương khắc Ninh sao khỏi hoảng-kinh vì đã « múa búa trước cửa Ban » — rằng :

*Múa mở phùng mang bớ chú Ninh,
Rõ-ràng đèn đuốc trống inh-ình.*

.
.

(1) Tháng mười.

. (1)

Hội này phải gặp Trương minh Kỳ

Hai cụ nói xàm biết mấy kinh.

Giận này còn biết đồ đầu cho hết. Ngày đêm, Lương khắc Ninh cùng với Nguyễn viên Kiều cố moi óc, tìm những vần họa-chơi sao cho rõ thật gắng. Và gắng thật, bài thơ họa thật « nở » như đại-bác tấn công :

Lời phải trái tại chớ giận Ninh,

Cá không ăn muối cá ươn inh.

Tiểu-nhân hoài thổ (2) không đòi gót,

Quân-tử thành nhân (3) phải nhẹ mình.

Ngọc tốt ưỡng gieo dòng nước đục,

Đưa gian hằng sợ bóng trắng thình.

Ngô nho (4) đầu rõ tài Gia-cát (5),

Xích-bích (6) rồi đây mới thất kinh.

Nhưng cũng vì bài thơ họa ấy, sau đó hai ông Lương và Nguyễn tranh công với nhau, khoe là do tài mình sáng-tác, khiến nên lại có thêm câu truyền tụng đề đời : « Lươn (g) lội qua, Sấu (Nguyễn viên Kiều có hiệu là Lão-ngạc : Sấu già) lội lại, ngày lẫn đêm quên ngủ quên ăn ».

Lại khi báo « Nữ-giới chung » bị độc-giả « cộp » nhiều

(1) Khuyết mất. Chúng tôi trân-trọng yêu-cầu chỉ dạy, đề bỏ túc ở kỳ sau.

(2) Quyển-luẩn ruộng đất. Ý nói trong cuộc diễn-thuyết có mời mà Suong Nguyệt Anh không đến.

(3) Do câu « Quân-tử thành nhân chi mỹ ». Ý nói mình là người quân-tử, chỉ làm tốt cho người ta, chứ không chấp lỗi người.

(4) Các nhà nho (người có tài) ở nước Ngô đời Tam-quốc.

(5) Gia-cát Lượng hiệu Khổng-minh.

(6) Quân Tào Tháo bị quân Ngô dụng hỏa công đốt phá ở Xích-bích, do mưu sâu của Khổng-minh.

quá, phải đóng cửa, một độc-giả gửi cho báo « Công-luận » một bài tứ tuyệt quá-quắc :

*Nữ-giới chung ! Nữ-giới chung !
Cớ sao bắt tiếng chẳng nghe rung.
Hay là huyệt vốn ta giùm nữa,
Đặng sấm chày to động đến cùng.*

Một hôm có người tên Phạm đình Chi đến viếng, có ý muốn thử tài. Trong khi thử-thách, Phạm đình Chi có lẽ đã kiêu-căng như thế nào, nên sau đó, Nguyễn-thị viết một câu trao cho Phạm, bảo hãy đối lại :

*« ĐÌNH làng lời chẳng PHẠM,
thưa ông, ông PHẠM ĐÌNH CHI ?*

CÔNG-LUẬN PHẠM-BÌNH

Báo « *Nữ-giới chung* » đình bản. Không việc làm, lại đau mắt, Sương Nguyệt Anh về nhà người em thứ bảy là Nguyễn đình Chiêm, ở Mỹ-thạnh-hòa, dưỡng bệnh.

Đến năm canh-thân, ngày 12 tháng 11, nhằm 4-1-1921 Nguyễn-thị mất, thọ 58 tuổi. Mộ ở cách-chợ Ba-mỹ lối 100 thước, theo con đường đất gồ-gề di Mỹ-thạnh, Mỹ-chánh (Bến-tre).

. . .

Khoảng năm ất-mão 1915, Nguyễn liên Phong xuất-bản tập « *Điều cồ hạ kim thi-tập* », khi ấy Nguyễn xuân Khê tức Sương Nguyệt Anh hãy còn, tuổi đã ngoài năm mươi. Nguyễn liên Phong viết về Sương Nguyệt Anh :

« Cô Nguyễn thị Khuê, tự Nguyệt Anh, người ở tỉnh « Bến-tre, quận Ba-tri, là con gái ông Đồ Chiêu, *hình-trang « nhỏ-nhã ốm-yếu, tinh-nết điềm-tĩnh hiền-lành*, tuổi chừng « ngoài năm mươi, học chữ nho nhiều, năng làm thi nôm « thi chữ, hơi văn-chương tao-nhã ; cả đàn-bà trong Nam « duy cô ấy học chữ nho nhiều hơn hết, là vì bởi nhờ có « ông thân là ông Đồ Chiêu dạy bảo.

« Cô Nguyễn thị Khuê thuở nhỏ lấy chồng, tên là thầy « phó-tổng Tính, về ở theo quê chồng tại chợ Rạch-miêu « thuộc về tỉnh Mỹ-tho. Thầy phó Tính thác đã lâu, cô « Nguyễn thị Khuê sương cư thủ tiết, phụng thủ hương hỏa « phía bên chồng, và lại dạy học trò chữ nho mấy năm nay, « tác thành cho môn-đệ cũng nhiều, thật là tiếng tốt gương « thơm, đáng khen đáng tặng.

Thi rằng :

*Xương tùy đẹp phận vợ hòa chồng,
Kẻ mất người còn trải mấy đông.
Giai lão một câu đành lỗi hẹn,
Hiếu tư hai chữ dốc ghi lòng.
Đã quen ngon với mùi rau ốc,
Đâu nỡ vui cùng thói bướm ong.
Gương tỏ đời nay trang tiết-phụ,
Lâu dài tiếng tốt tạc non sông.*

(« Điều cổ hạ kim thi-lập » trang 130 phần hạ).

Gần đây, nhắc đến Sương Nguyệt Anh, hầu hết các học-giả đều xưng tụng tài đức.

Ông Việt-sĩ đã hạ lời phê xác-đáng :

« Cuộc đời bà Sương Nguyệt Anh đã trải qua nhiều cơn đau-khổ, nhưng bao nhiêu nỗi khổ hình như dễ thử-thách người thiếu-phụ kiên trĩnh. Bà không vì cảnh hiu-quạnh gia-đình mà buông ra lời thơ thống-thiết như Ngọc Hân công-chúa. Bà cố trấn tĩnh cõi lòng để chống trả với bao nhiêu lời trêu-cợt của khách văn-chương. Vì thế các vần thơ của bà đọc lên nghe có giọng nghiêm-trang giống như những cảnh đoan-chính của Nguyệt Nga, con gái tinh-thần của Đờ Chiêu. Đó là một phần lớn nhờ giáo-dục gia-đình đã nhồi-nắn ra con người có tự-cách và tính-tình cao thượng.

« Nhắc đến bà Sương Nguyệt Anh người ta còn thấy lại nơi bà một tấm gương hoạt-động cho phái nữ-lưu ; người ta không quên một cây bút rần-rỏi đã từng nêu trên tờ « Nữ-giới chung » nhiều vấn-đề lý-thú về phận-sự đàn-bà đối với gia-đình, xã-hội. Trong buổi giao thời, phụ-nữ nước nhà mới vừa ra khỏi khuê-môn dễ tiếp-xúc với văn-hóa Âu-tây, bà Sương Nguyệt Anh rất đáng xem là nữ-sĩ tiên-phong trên đất Việt.

« Ngày nay đọc lại văn-thơ của bà, chúng ta còn ghi nhớ những lời khuyên-bảo bọn nam-nhi ; chúng ta còn cảm-kích mấy câu kêu-gọi tấm lòng đối với quốc-gia, chủng-tộc :

*Cái tóc râu mày thì phải vậy,
Nặng bằng non Thái, nhẹ bằng lông. (1)*

« Đó là những câu nhắc-nhở thanh-niên đừng bỏ phí một thời, phải biết đem tấm thân quý-báu mà phụng-sự cho chính nghĩa :

*Vui lòng thánh-đế trên xe ngựa,
Xót dạ thần-dân chốn lửa than !
Nước mắt có cùng trời đất biết,
Biền dâu một cuộc nghĩ mà thương ! (2)*

« Đây không phải là mối rung-dộng thoáng qua của Bà huyện Thanh-quan, một phụ-nhân khuê-các, mà là nỗi đau-dớn ngậm-ngùi của một người đã từng sống giữa dân-chúng lầm-than, đã từng thấy bao cảnh đời dòi trong xứ sở.

« Giữa lúc thanh-niên đô-thị đang ham-mê những cuộc vật-chất nó làm chết mất chí quật-cường, mấy câu bất hủ trên đây, trải qua hơn bốn-mươi năm, còn vang lại một dư-âm như một tiếng chuông cảnh tỉnh. Bà Sương Nguyệt Anh chẳng những là một nữ-sĩ tiên-phong trong buổi giao thời, mà còn là một sư-mẫu của các thanh-niên nam-nữ ngày nay. »

(1) Thơ tiễn ông Trần khả Sơ (xin xem ở đoạn trước).

(2) Thơ mừng vua Thành-thái vào Nam (đã sao toàn bài ở đoạn trước).

TRẦN KIM PHỤNG

ANH-HOA PHÁT-TIỆT

Trần kim Phụng, tục gọi là cô hai Hồn.

Từ thuở trẻ, Trần-thị hiếu học, thông-minh, đã có tiếng là hay thơ. Về sau, Trần-thị lừng danh trên văn-đàn về tài thơ hoạt-bác, mần-tiếp.

Thân-thế của Trần-thị rất thương tâm. Tuy-nhiên, tài-hoa mệnh bạc dường đã là thông luy nghìn đời ; Trần-thị dù rất buồn về nỗi long-dong duyên-phận, nhưng bao giờ cũng tin số-mệnh an bài mà an nhiên vui sống, rất vui đời, dù Trần-thị thường bị đời bạc đãi nhiều cảnh đau lòng.

Lúc mới biết làm văn, đọc truyện Phi-long công-chúa, (1) cảm thương gái trung-trình tiết liệt, Trần-thị đề thơ :

*Chích thân qua Tống biệt trời Liêu,
Gánh nặng non sông phải đánh liều.
Ơn chúa lâm đền công dễ nại,
Thù chồng toan trả chỉ không xiêu.
Tấm gương bạch-tuyết nghìn thu rạng,
Giấc mộng hoàng-kương một chốc tiêu.
Số-mạng chẳng qua cơ tạo-hóa,
Ngậm cười chín suối tiếng còn tiêu.*

Ngày Tết, Trần-thị làm thơ, có bài vịnh cây vạn-thọ :

*Tuổi già trường trải có ai qua,
Vạn-thọ khương cường vốn đầy ta.
Vững cội khoe nhành xinh nét vẻ,
Lớn chồi tỏa lá lịch màu hoa.*

(1) Truyện « Ngũ hổ bình lâm ».

*Tháng ngày thông-thả cùng quan-các,
Tết nhất khoe-khoang với phú-gia.
Bởi có cái danh ai cũng chuộng,
Nên người yếu-mến chúc ông bà.*

Bè-bạn chia tay, chạnh lòng hoài cảm, Trần-thị ngâm câu tuyệt diệu :

*Kề từ xa cách bạn tương tri,
Đề nhờ lòng đáy những nặng-nì.
Ngơ-ngẩn cầm loan không trời ngón,
Dật-dờ bút ngọc biếng để thi.
Xúc tình non nước đau đòi đoan,
Chạnh nghĩa kim-bằng thăm xiết chi.
Nam bắc chia trời sâu chất ngắt,
Gẫm duyên bèo nước hiệp tan kỳ.*

Tiến bạn làng văn, Trần-thị cũng có thừa câu giai vận :

*Cá nhạn từ ngày rẽ nước mây,
Nhìn sông non luống những châu mây.
Còi reo giục khách lời tan hiệp,
Rượu rót đưa người lúc tỉnh say.
Trăng rọi nhấp-nhỏ làn sóng bạc,
Mưa phun láy-pháy giọt sầu xây.
Cái mùi ly-biệt ai từng nếm,
Nếm thử rồi ai cũng thể này.*

Đáp lời những bạn hỏi Trần-thị về cuộc sống, Trần-thị viết :

*Kề từ năm ngoài đến năm nay,
Bạn-bịu gia-đình chẳng hở tay.
Thơ bỏ luống-tuồng không cất bút,
Đàn treo vắng-vẽ chẳng khua dây.
Cuộc cờ Lý Bạch đã quên toán,
Chén rượu Huê Quỳnh cũng biếng say.
Chộn-rộn với con ngày tới lối,
Tài tình chi đáng đó mà hay.*

TRẦN KIM PHỤNG

Đi dự một tiệc rượu, trông cái cảnh quan-khách đều quá chén say vui, Trần-thị ngầu hửng :

*Cuộc rượu Nam-thành thật rất vui,
Trộm xem ai nấy cũng sai vui.
Anh lấy xénh-xoáng quăng ve ngược,
Chú khách ò-ào ném chén xuôi.
Giận đất lung-lay không vững bước,
Cười trời lững-đững bóng vờn lui.
Đứng ngồi chẳng tiện, lỏi thối cả,
Cuộc rượu Nam-thành thật rất vui.*

« Giận đất lung-lay không vững bước ; Cười trời lững-đững bóng vờn lui ». Thật là hai câu tuyệt tác tả rõ bợm làng say. Mà « Cuộc rượu Nam-thành thật rất vui », theo lối thủ-vĩ-ngâm, sau trước lặp lại hai lần, nêu rõ nụ cười nửa miệng, hàm-ngụ nhiều ngao-ngán.

Đại-khái thơ của Trần-thị xem ra không có gì gò-bó, trau-chuốt, mà tinh-tử thâm-trầm, duyên-dáng di-dỏm, lời lờ dờ rất khéo, làm nổi bật nhiều câu rất có thần. Như câu « Nam bắc chia trời sâu chắt ngắt » trong bài ngùi-ngâm bè-bạn chia tay, hay « Cá nhạn từ ngày rẽ nước mây. Nhìn sông non luống những châu mây », ai chẳng phục là văn tao tử luyện ?

Hơn nữa, Trần-thị có tài họa thơ, có thể gọi là xuất sắc.

HỌA THƠ-THỪA TÀI

Khi Trần-thị đã lừng tiếng trên văn-đàn, tuy có nhiều người trọng, song cũng có người vẫn không phục phẩm-hạnh của Trần-thị, nhấn mạnh ở chỗ Trần-thị duyên-nợ lãng nhãng, mà gởi tặng một bài thơ :

*Rằng hằng rằng cô gái có tài,
Cầm kỳ thơ họa chẳng nhường ai.
Chẳng hay tuổi Á bao lăm đấy,
Mà kết duyên Âu đã bấy chầy.
Nét vẽ dung-nhan còn đượm thề,
Hương đưa phấn-nhụy khắp cùng bay.
Thuyền xưa gập-gờ còn mờ-mập,
Rằng hằng rằng cô gái có tài.*

Lời thơ biếm-nhẽ, nặng nhẹ tiếng bắc chì, thật đã làm đau-diếng lòng người được tặng. Trần-thị bèn họa lại bài ấy khá hay, vừa biện-bạch lại vừa cười ngạo-mạn lại người đã tặng thơ :

*Thôi chớ đon-ren chữ sắc tài,
Giang-san này đã thuộc về ai ?
Sá chi bồ liễu âu thân-phận,
Đề then mảy râu đã bấy-chầy.
Gan óc đề đầu nong-nả thề,
Cánh hồng sao chẳng vấy-vùng bay.
Gẫm trong nhân-đạo không chi lạ,
Thôi chớ đon-ren chữ sắc tài.*

Bà Nguyễn thị Dư đã từng cùng Trần-thị tri-kỷ tâm

giao, đến khi bà từ-giã Trần-thị về quê, có lưu lại Trần-thị một bài :

*Mấy bước phăng phăng mấy bước ngừng,
Dở về dở ở gượng bâng-khuâng ;
Nhớ ơn sinh-ngã, lòng chua xót,
Mến nghĩa kim-bằng, tiết trắng trung.
Ly-hiệp nổi sầu chi dễ lấp,
Nghĩa-nhân xin tưởng cũng như gần.
Hỏi ai có biết lòng này chẳng,
Đáy nữa chiêm-bao biết mấy tuần.*

Trần-thị họa :

*Chén rượu tay nâng dạ ngập-ngừng,
Gượng vui chi xiết nỗi bâng-khuâng.
Kẻ đi bát-ngát đôi dòng lụy,
Người ở ngậm-ngùi chín khúc trung.
Đoài cảnh vẫn hèm non nước cách,
Tưởng tình vì bằng nghĩa-nhân gần.
Vẹn câu hiếu-để đành lòng cả,
Mừng-rỡ cho nhau biết mấy tuần.*

Một hôm, ông Nguyễn ngọc Minh đến viếng Trần-thị, nhân muốn thử tài, bèn làm một bài thơ trao tặng, đề là « Ván cảnh Kiềm-biên » (bấy giờ Trần-thị ở Nam-vang) :

*Nam-vang phong-cảnh có chi cà,
Nhà nước năm nay lập mấy tòa ?
Buồn-bán món gì lời lỗ há,
Thợ-thầy nghề ấy khá không à ?
Người nông thuở trước cày đồng chớ,
Nghiep sĩ bây giờ thế bọn đa ?
Nhà nước bốn phương khi thanh đó,
Chẳng hay quý quyền lạc như hà ?*

Lời thơ tuy chẳng có gì hay đẹp, song cách đặt-đề có phần ngộ-ngĩnh hứng vị, Trần-thị họa lại cũng không kém phần lém-lỉnh :

*Châu-thành Kiêm-tháp rộng thênh cò,
Đất chở trời che biết mấy tòa.
Chùa trĩu lân trào dư đức cả,
Dàn cư lạc nghiệp đủ công ả.
Gái toàn bốn đức tài-tình lắm,
Trai vẹn ba giềng sự-nghiệp đa.
Phong-cảnh bốn mùa phong-cảnh toại,
Còn nhiều thú-vị nổi sơn-hà.*

Lại một hôm, bạn văn là ông Hoàng văn Toàn gửi đến Trần-thị một bài « Hoài hữu » :

*Cổ-nhất năm ba chén sật-sừ,
Tao-đàn vắng bạn ruột đường như.
Nhìn non nước nhớ đường xa-xất,
Hừng gió trắng trông lúc bấy chừ.
Hỏi đó có sao thơ chẳng gửi,
Buồn này nhờ có rượu làm nư.
Giang-san nghìn dặm nhàn mai viếng,
Phải phải không không cũng tiếng ừ.*

Trần-thị họa :

*Cải thời say-sưa nói sật-sừ,
Tao-đàn đường ấy thú hà như ?
Giọng thơ kiêu-hãnh đành khen đó,
Tinh rượu hoang-mang cũng lạ chừ.
Cả nhận dẫu đây khi có vắng,
Giận hờn chi đó lại làm nư.
Hỏi thăm Hoàng-hữu tình bao nả ?
Mà mãi trông-mong những tiếng ừ.*

Lý-thú nhất là cuộc xướng họa giữa Trần-thị với ông tú Lan.

Ông tú Lan đến viếng cảnh Kiêm-biên, ở đã lâu mà không gặp bạn tri-âm đồng điệu, ông sinh chán ngán. Rồi

có lẽ tự-phụ ở cái tài của mình, ông ngông-ngheñh múa bút, đề một bài « *Nhập cảnh vô nhân* » :

*Nam-vang phong-cảnh có chi hay ?
Tài-tử giai-nhân chữa mấy tài.
Nhấp rượu xuân tình e thiếu bọm,
Khảy đàn lưu-thủy chẳng siêng tay.
Nghe ma đọc phú thêm buồn mãi,
Mời quỉ chơi cờ giải muộn đây.
Thật xứ Cao-miên người khác tục,
Nhọc lòng Gia-cát bấy lâu nay.*

Tạo-đàn dường ấy thú hà như ? Bài thơ ấy truyền ra, thấu tai Trần-thị. Lòng chẳng phục người tự-phụ, nữ-sĩ xuống tay thảo một bài họa lại, đáp lời người khiêu-khích :

*Thoạt nghe tiếng thốt, húy chà ! hay,
Nẻo tắt đường quanh cũng gọi tài.
Chưa hẳn đại khôn hầu nề mặt,
Cho tường cao thấp sẽ nhường tay.
Văn-chương lối Hán kia ai đó ?
Thao-lược bên Đường sẵn kẻ đây.
Mựa chớ khoe-khoang tài tri ẻ !
Cửa Ban (1) thường tại thế xưa nay. (2)*

(1) Lỗ Ban, tỗ-sư nghề thợ mộc, người nước Lỗ, hiệu Công-du, nổi tiếng về búa chũ. « Múa búa trước cửa Lỗ Ban » tức là thành-ngữ dùng để chế-diễu những kẻ chẳng lượng biết sức mình. Cũng như câu « Múa riu qua mắt thợ ». Ý nói mình chẳng phải là tay thợ mà nhẽ nói chuyện riu búa trước cửa tay thợ, thì sao khỏi làm trò cười.

(2) Toàn bài này, lời lời cứng-cỏi phản-đối kẻ ngông-ngheñh, tất ai cũng nhận thấy rõ. Duy một điều, có người lại cho rằng câu thứ năm là nói nặng nhất, có ý thô một chút. Vì mấy tiếng « Văn-chương lối Hán », nếu hiểu ngầm ra chữ « háng », thì ông tú ấy tất chẳng khỏi đỏ mặt, tức mình.

NGHÌN THU BẠC-MỆNH MỘT ĐỜI TÀI-HOA

Trần kim Phụng quả thật có tài, điều ấy không ai có thể phủ-nhận. Nhưng tiếc cho tài ! Mà thương cho tình ! Trần-thị có tên « trong sổ đoạn-trường ». Cuộc đời xuân sắc từng lắm lúc bầm-dập đờn-đau.

Tuy-nhiên, vẫn được an-ủi khá nhiều, qua những văn-thơ của các bạn hàn-mặc khắp nơi — cả bạn gái lẫn bạn trai ; ai đã có quen biết cùng Trần-thị, đều có cảm-tình nhiều hơn là rẻ-rúng lạnh-lùng.

Trong khi lia tỉnh Sa-đéc lên Nam-vang, Trần-thị có bài già-biệt các bạn :

*Vừa cạn chén đưa chửa cạn lời,
Thuyền đà vội tách giữa dòng khơi.
Xa trông dạng khuất vàng non nước,
Cám nghĩa anh em nghĩ ngậm-ngùi.*

Một bạn gái của Trần-thị là bà Hoàng ngọc Lan lấy làm cảm động họa tặng Trần-thị :

*Lý-biệt nhìn nhau những nghẹn lời,
Còi tàu giục-giã phúc xa khơi.
Chặt cây che bóng trông càng khuất,
Dòng lụy khôn ngăn dạ ngậm-ngùi.*

Hơn nữa, lúc văn niên, Trần-thị ngao-ngán cuộc đời mà đi tu, lấy đạo hiệu là Hương Thanh ; trong khi ấy, có người vẫn lấy làm tiếc cho nữ-sĩ tuổi xuân sao nữ gửi cửa thiền — như bà Quảng Hàn ở Pursat đã gửi khuyên :

*Bà Trần kim Phụng ở đâu xa?
Sao chẳng nghe thi-phủ nữa cà.
Hay đã dòi chân Thiên-trúc quốc,
Hoặc còn lần chuỗi phật Di-đà?
Đĩa nghiêng ráo mực khuyên mài nữa,
Ngòi viết khô lông hấy chấm mà.
Dù muốn làm tiên khoan cỡi hạc,
Nợ trần chưa dứt khó xong a!*

Lại một văn-hữu khác, ông Quốc Biểu ở Dakao (Sài-gòn) cũng có lời nhắc Trần kim Phụng :

*Đàn văn chờ-đợi vắng âm-hao,
Bến Nghé sông Rừng dạ khát-khao.
Non nước đôi nơi, người một ngã,
Hay là viễn-khách bất phượng nao?*

Đọc được bài thơ trên đây đăng trong tờ báo « Công-luận » do ông Nguyễn kim Đinh chủ trương, Trần-thị đáp lời :

*Ngao-du đà mỗi bước giang-hồ,
Lánh mộng trần-ai đến phật-đồ.
Tứ-giã non tây cùng biển bắc,
Phụng-hoàng nay đậu một cành ngô.*

Khoảng năm ất-sử 1925, Trần-thị cảm lòng Quốc Biểu chí thiết mến-yêu, ưng-thuận kết duyên cùng Quốc Biểu. Nhưng duyên-phận hẩm-hiu làm sao, chẳng được bao lâu thì Quốc Biểu chết. Trần-thị lại vào núi Điện-bà ở Tây-ninh.

Cuộc đời của Trần kim Phụng, từng trải lắm cơn bầm-dập, đau-khổ khôn cùng. Thêm một chuyện sau đây, đủ cho người sau vương vương thương cảm :

Mộng-trần Lê chân Tâm vẫn là người rất mến Trần kim Phụng, xưng Trần-thị là người chị tri-kỷ. Nhân một đêm trần-trọc ở lữ-quán nơi châu-thành Battambang, cảm

thân-thể gái buồn hương, có làm một bài thơ, sau đó gửi cho Trần-thị xem :

*Bao người chà-xát, kẻ bừa-vày,
Cam chịu như chàm lở nhúng tay.
Mưa gió dập-dồn hoa tái mặt,
Tuyết sương chồng-chất liễu cau mày.
Chẳng cười, song phải cười ra vẻ,
Muốn khóc nhưng mà khóc với ai ?
Sở đoản-trường ghi lên-luối sẵn,
Ấu đành nhắm mắt mặc vần-xoay !*

Trần kim Phụng xem bài thơ ấy, thích ngâm câu :
« Muốn khóc nhưng mà khóc với ai ? »

Tuy-nhiên, mùi đời nếm trải dù cay-đắng, tâm-sự mang mang, tắc lòng tê-tái, nhưng ở Trần kim Phụng — mặc dù gửi thân trong cửa đạo — trước sau Trần-thị vẫn chẳng bao giờ tỏ ra ủy-mị tâm-hồn. Mà, bài dưới đây, Trần kim Phụng làm đề đưa một bạn văn là Ngô vi Đường, nhất là hai câu thúc-kết, có thể biểu-lộ rõ-ràng một phần nào tâm-hồn Trần kim Phụng đối với đời :

*Mai này bạn đã bước lên đàng,
Phận-sự chúc nguyện đặng vẻ-vang.
Chữ dạ chớ sai lời thiết-thạch,
Nghiêng vai đừng nệ gánh giang-san.
Tắc công tạo-hóa nên dày-dặn,
Cải chí anh-hùng mặc ngỗn-ngang.
Phải gặp thế nào nên thế ấy,
Sá điều ly-hiệp với bi-quan.*

Người như thế ấy mà mệnh bạc, duyên-phận dở-dang chẳng ra gì, nghĩ cũng thật là đau-đớn !

Hướng chi, duyên-phận tuy dang-dở chẳng ra gì, song tâm-chí của Trần-thị, so trong nữ-giới, vẫn chưa dễ đã có ai hơn.

Lại một bằng-chứng :

TRẦN KIM PHỤNG

Trong tập « *Nữ-giới tùng thư I* » trang 10, nữ-sĩ Đinh-hương Đặng thị Hồi có đưa ra một bài thi sách họa :

*Cũng tai cũng mắt cũng hình-dung,
Chỉ để ai khi khách má hồng.
Góp mặt bình quyền đòi phận xê,
Ghé vai nghĩa-vụ một bên gồng.
Đem đường chỉ thắm khâu trời đất,
Dở lá khăn đào bọc núi sông.
Trước giúp chồng con sau xã-hội,
Lệnh kêu, ta cũng thử kéo cồng.*

Trần kim Phụng đã họa lại rất rần-rỏi :

*Vẫn biết phận là phận nữ-dung,
Cũng trong trái đất dưới vầng hồng.
Đạo nhà riêng giữ ba tùng vẹn,
Việc nước chung chia nửa gánh gồng.
Chẳng những râu-mày hay nghĩa-vụ,
Khả đem son-phấn vẽ non sông.
Khuyến cùng nữ-sĩ trong ba cõi,
Đàng trước gương Trưng lóng tiếng cồng.*

TRẦN NGỌC LẦU

Trần ngọc Lầu, có tên khác nữa là Ngọc Dung hay Ngọc Bích, người ở tỉnh Vĩnh-long, tục danh là cô ba Lào.

Mẹ mất sớm. Cha là Trần xuân Sanh, đồ thủ-khoa, tục huyền gặp phải người vợ không hiền, gia-đình lắm cơn sóng gió. Sau người mẹ ghẻ về ở Tam-bình (cũng thuộc tỉnh Vĩnh-long) rồi có gia-đình khác.

Sáu tỉnh Nam-kỳ thuộc Pháp !

Gia-đình họ Trần suy-sụp, cha con dắt nhau qua Mỹ-tho tìm sinh kế. Ngày tháng lần qua, nhờ cha dạy-dỗ, Trần ngọc Lầu cũng sinh văn-chương, được người đời ngợi danh nữ-sĩ.

Hoa có sắc hương, tránh sao khỏi ong-bướm rập-ranh. Trần-thị đã có lúc phải cau mày với những kẻ tin đi mới lại :

*Cái giọng đôi ba thiếp đã từng,
Trau-tría vẻ bướm ghẹo hoa xuân.
Thử lòng ả Trác (1) ai kia chớ,
Khảy điệu chàng Tương (2) thiếp bảo đừng.
Rờ vấy hàm rồng khen lớn mặt,
Cấp non nhảy biển gấm quen chun.
Làm thình chẳng nói cho rằng ngộ,
Nói lại càng mang tiếng sê-sùng.*

(1) Nàng Trác văn Quân, con gái Trác vương Tôn, có nhan-sắc và nhà giàu-có, được chàng Tư-mã Tương Như là một học-trò nghèo đòi bấy giờ gấm-ghé.

(2) Tục Tư-mã Tương Như, hiệu là Trảng-khanh. Nhà nghèo, học khá có danh, ngón đàn rất tươi. Phải lòng nàng Trác văn Quân, Tương Như ôm đàn khảy khúc « Phụng cẩu cầu hoàng » để trêu-ghẹo. Sau Trác văn Quân trốn theo.

Nhưng ngày xuân thắm-thoắt qua, Trần-thị vẫn phải chán-nản nhiều, vì khách trong trần khó tìm đâu ra được trang đồng điệu đồng tâm. Thắc-mắc, bâng-khuâng, Trần-thị chẳng cầm lòng được đến phải than dài :

*Nằm đêm nghĩ lại rất than thâm,
Tài-bộ như vầy đáng mấy trăm.
Khôn-khéo dễ thua người vịnh tuyết (1),
Thông-minh chẳng kém mặt thân cầm (2)
Văn-chương Tống Tín (3) coi nhiều bọm,
Từ-diệu Như Hoàn (4) ngó vắng tăm.
Chi dốc noi gương theo họ Mạnh (5),
Kén-lựa cho gặp khách tri-âm.*

(1) Tức nàng Tạ đạo Uẩn. Người chủ của Tạ đạo Uẩn là Tạ yển Thạch một hôm hỏi: Bạch tuyết phân phân hà sở tự.

Nghĩa :

Tuyết trắng bay man-mác giống như gì ?

Chấp theo văn tự, con người anh là Lạng nói :

Tàn diêm không trung sai khả nghĩ.

Nghĩa :

Có thể tỉ với muối vãi tung lên trời.

Tạ đạo Uẩn nói :

Vị nhược liễu như nhân phong khỉ.

Nghĩa :

Chưa bằng sánh với hoa liễu lúc gặp gió mà bay lên.

(2) Tức nàng Thái văn Cơ, con gái của Thái Ung. Rất giỏi về nghề đàn.

(3) và (4) Nhân-vật trong truyện « Bình-sơn lãnh yển ».

(5) Nàng Mạnh Quang, người đời Hậu-Hán, tính nết đoan-trang, đến ba mươi tuổi mà còn kén chồng. Cha mẹ, bà con ai có hỏi thì Mạnh Quang đáp: Có được người như Lương Hồng thì mới lấy làm chồng, bằng không thì ở vậy trọn đời.

Lương Hồng cùng ở một huyện với Mạnh Quang nhà nghèo mà đức-hạnh rất tốt. Nghe thế, bèn tới cưới Mạnh Quang. Về nhà chồng, Mạnh Quang vẫn trang-sức nhõn-nha. Lương Hồng chê trách thói xa-xỉ. Mạnh Quang vâng lời chưa nết ấy, cùng chồng lo làm ăn, hằng ngày rất mực cung kính chồng.

Nhưng Mạnh Quang chỉ dốc kén lửa bạn trăm năm, mà Lương Hồng vắng dạng. Và nhìn lên thấy cha đã già rồi, lại khó-nghèo, chút gái lẽ nào không lo báo-bổ. Rồi lại Trần-thị dành vâng lời cha mẹ lấy chồng là một viên quan thăm-án người Pháp.

Có điều nên biết, từ thuở trẻ, Trần-thị đã cùng một bạn trai là Nguyễn hữu Đức rất-mến-tưởng nhau trong tình bạn. Cho đến nỗi người trong làng đã thăm-thi : « Cho con Ba với thằng Bảy lấy nhau thật là xứng ». Ba tức Ba Lão là tên tộc của Trần-thị, còn Bảy tức chàng trai thứ bảy Nguyễn hữu Đức. Nhưng trai vốn có chí, không dám vội tưởng việc hôn-nhân, mà chăm-lo học-tập. Cho đến khi chàng đã lập được thân-danh (1), thì nàng đã có chồng.

Lòng chẳng quên hẳn người bạn gái xưa, Nguyễn hữu Đức vẫn thăm yêu Trần-thị, có lúc đã không cầm lòng được, phô-bày lâm-trạng não-nùng :

*Biết nhau từ thuở gọi con, thằng,
Có chịu nhưng mà vốn chẳng ăn.
Cung thiềm ta mắng lo vin quế, (2)
Vườn trúc người đà lên bể mặng.
Phận bạc thương ai mang những-những,
Chỉ hồng trách kẻ buộc lằng-những.
Vi như kiếng bể tan rồi hiệp,
Sóng rộng đồ đầy biết tình rằng ?*

Đọc được thơ người bạn cũ, cảm lòng ai còn mơ-tưởng ân-tình, tơ vương thắc-thẻo, Trần-thị cũng khó cầm lòng mà vừa trách vừa thương lại vừa thăm bực :

(1) Nguyễn hữu Đức nhà nghèo, hiếu học, sau thi đỗ ra làm thông-ngôn, rồi dần thăng đến chức đốc-phủ-sứ.

(2) Bài thơ thất niêm.

*Đã biết ngày xưa gọi cái, thẳng,
Tại mình vụng tỉnh để ai ăn.
Phụng-hoàng dành để trăm ngàn trái,
Sâu-mọt làm chỉ một nhỏ mặng.
Chỉ dốc kiếm tìm người đạo-ngừa,
Hay đâu gặp-gỡ kẻ lãng-nhăng.
Phải chăng đây đó đành hay vậy,
Đắp-điểm phiền ai mưa hờ rặng.*

Than-văn thì than-văn vậy cho người sầu-hận một phần nào, chớ còn duyên đã dở-dang, còn biết liệu thế nào ? Ít lâu, Nguyễn hữu Đức rồi cũng cười vợ, gáy-dựng gia-dình.

Ngày tháng lại dần qua, thản-nhiên qua. Bao nhiêu nước chảy qua cầu, nước cũng thản-nhiên xuôi, ngược chảy trôi như dòng đời mãi mãi trôi chảy ngược xuôi, xuôi ngược.

Trần-thị bỗng gầy gánh cang-thường : người chồng của Trần-thị, vị thẩm-án bệnh mà mất.

Trong lúc Trần-thị được Nguyễn hữu Đức nhớ-thương mà trách, thì thất-gia đã định xong bề rồi, to-duyên còn dám đâu mong-mỏi nổi gì. Rồi nay Trần-thị đã thành người quả-phụ, Nguyễn hữu Đức kia thôi lại đã yên-ấm gia-dình.

Giữa lúc hai bạn tình xưa lâm cảnh éo-le ngang-trái, tạo-hóa trở-trêu, Nguyễn hữu Đức lại chết vợ. Hai bạn tình xưa bấy giờ mỗi người đều riêng vương đoạn thâm-sâu.

Đồng bệnh đồng tình, Trần-thị cùng Nguyễn hữu Đức lui tới thăm nhau. Lửa tình tưởng đã tắt, bỗng nhen-nhúm lại. To-duyên đã dứt, hay đâu lại còn ngày mong chấp nối. Nhưng còn danh-giáo ?

Lúc ấy, Trần-thị về ở lối cầu sắt, tức Cầu Lầu, cách Vĩnh-long lối một cây số. Nguyễn hữu Đức thì về ở nơi

xóm Cái Cá (Ngư-khé) cũng trong châu-thành Vĩnh-long, lấy hiệu là Phụng Lãm.

Mỗi ngày Trần-thị và Nguyễn hữu Đức thường vầy nhau đàm-luận văn-chương, sách họa thi-phủ.

Tuy đã triêu-miến nhau « tinh trong như dĩa, mặt ngoài còn e », nhưng sợ phạm vào danh-giáo, cả Trần-thị lẫn Nguyễn hữu Đức nào ai dám ngỏ nỗi-niềm.

Những ngày vắng nhau Trần-thị buồn-bã. Có hôm, Nguyễn hữu Đức vắng lâu vừa đến, Trần-thị liền than .

« Ngọc Lầu rầu-rĩ.

Nguyễn hữu Đức đáp ngay :

« Phụng Lãm cảm thương.

Hoặc những khi Trần-thị đi vắng, thì chính Nguyễn hữu Đức cũng nhớ mong :

*Dưới đất hiu hiu hơi gió,
Trên trời rõ rõ bóng trăng.
Dấu xe hóng mát chạy còn lẩn,
Kìa phải là ai đó chẳng ?
Tiếc bấy trăng thanh gió mát,
Không duyên lui tới cung Hằng.
Tấm lòng quanh-quẽ nhớ thêm sẵn,
Góc chái chim kêu vắng vắng.*

Cảm lòng bạn nhớ-mong, nhưng Trần-thị vẫn còn ngờ tình bạn chẳng rõ thật tình hay dối, bèn đáp lời ước ý :

*Thưa thốt mấy lời tâm-sự,
Kính dâng đôi chữ bình-an.
Tưởng niềm chàng, lụy ứa hai hàng,
Trách bấy lòng người xao lãng.
Thốn-thức năm canh nhớ bạn,
Biết sao rõ động lòng chàng.
Một mình nghiêng-ngửa chốn phòng loan,
Lần-quần canh tàn khắc mãi.*

Tơ duyên cổ kết, tấm tình ngày một đậm-dà, Trần-thị sinh đa cảm mà thường thốt lời ủy-mị :

*Kèn thổi lập bình đúng chín giờ,
Bâng-khuâng nhớ bạn ruột đường tơ.
Đói cơm khát nước lòng chỉ sá,
Ngóng nguyệt trông mây dạ ngẩn-ngơ.
Người biết thì rằng ta thăm-thiết,
Kẻ không lại nói đùa bỡ-thờ.
Ngư-kê Phụng Lãm hay chẳng nhẽ,
Cầu sắt Ngọc Lầu đứng ngẩn-ngơ.*

Tình yêu của Trần-thị đã lên đến cái mức mê rồi. Yêu sao mà cho đến nỗi đói cơm, khát nước cũng quên cả uống, cả ăn, thì cái tình ấy thật dã-sâu.

Nhưng khổ thay ! Trần-thị lại phải một phen nữa tuyệt vọng đắng-cay : Nguyễn hữu Đức cưới vợ khác, một nàng con gái nhà giàu, hơn Trần-thị cả sắc lẫn tiền.

Thôi rồi ! Cầm-hờn, khóc-hận, nát trí, điên lòng, Trần-thị gượng cầm lòng, than-thở :

*Lỡ khóc nên chi cũng lỡ cười,
Xổn-xang đình đóng giữa con người.
Ngón đàn tri-kỷ xao từ đây,
Chén rượu chung tình nhắm những ai.
Muôn kiếp dù không ân-ái nữa,
Một ngày cũng đã tiếng-lắm rồi.
Thôi thì phải vậy thôi thì vậy,
Gác tía lầu hồng đã có nơi.*

Đề an-ủi Trần-thị, Nguyễn hữu Đức đáp họa :

*Cũng là buồn-bã, dễ vui cười !
Thăm xét phận mình luống hồ-người.
Vàng đá biết nhau chẳng có bạn,
Tóc-tơ rõ dạng ấy là ai.
Hiếu tình đôi ngã khôn tròn một,
Duyên-nợ ba-sinh khó trả rồi.*

*Độc-ác gớm-ghé tay tạo-hóa,
Làm cho loan-phụng rẽ đôi nơi.*

Lời thơ họa đáp, xem ra mới gượng-ép làm sao. Dù loanh-quanh tìm lẽ chữa mình, nào than tình hiểu không tròn, nào khóc duyên-nợ ba-sinh, rồi gieo tiếng ác cho trời cao vô tội, Nguyễn hữu Đức cũng không sao thoát khỏi cái án phạ tình.

Phụ tình án đã rõ-ràng, chỉ thăm nữ thi-nhân lỗ cười lỗ khóc.

Tê-tái tấm lòng, buồn duyên tử phạm, nghĩ mà giận rồi thương, thương rồi giận, nước mắt văn-chương lại ứa:

*Thương người ngay-thẳng, dạ ở thảo-ngay.
So với đời cũng bậc phong-lưu.
Ra cùng thế cũng đáng người nho-sĩ.
Nhà quyền sẵn, vợ con cũng sẵn,
Ham làm chi những việc gái trai ?
Nghĩ mà coi như ngựa chạy đường dài,
Chỉ đến nổi hư danh uống tiếng.
Một tay gôm mấy đóa phù-dung,
Cho hay rằng thật đáng anh-hùng,
Sao nỡ hại thuyền-quyên chi vậy ể ?
Con gặp-gỡ đến khi tình đã nặng,
Chàng bức chi cho đến nổi phàn-lìa.
Giả như chàng thúc thủ (1) xưa kia,
Dù đến thế cũng xử tròn nhân-nghĩa chớ.
Đời trước vậy, đời sau cũng vậy,
Nỡ lòng nào mà bội nghĩa, vong ân ?
Thơ còn đây, từ còn đây,
Nói làm sao mà thôi ? Nói làm sao mà dứt ?
Nào những thuở khi xe đưa, khi xe rước,*

(1) Bó tay. Ý nói Nguyễn hữu Đức sao không nhớ thuở nghèo-khó.

*Đường tối-lắm cũng liệu-điều mà tới lui.
Đến lúc này nhân-nghĩa đã phũ-rồi,
Lại còn những đem lòng đen-bạc.
Riêng hờn bấy nhiêu người tráo-chác,
Khéo đưa hơi lưỡi mỗi miệng lần.
So như chàng cũng bạc văn-nhân,
Chẳng phải như thẳng ngọc, thẳng ngu, mà phụ
bần tham phú.
Người ở đời thử chơi cho đủ,
Mới biết rằng kẻ tri người ngu.*

Viết mấy lời cho hả, Trần-thị những tưởng rồi người bạc tình từ nay sẽ không còn bao giờ dám đề cho mình thấy mặt, để tránh cho lòng những nổi khổ-đau; nào hay quái-ác làm sao! đến hôm Nguyễn hữu Đức cưới vợ, dám cưới linh-dinh lại diễn qua trước cửa nhà Trần-thị.

Trần-thị gượng cười, nhưng nụ cười mới chua-chát biết bao:

*Đám cưới lớn! Đám cưới lớn!
Cuộc đời thấy vậy cũng nên tổn.
Ấn-tình nghĩ lại chẳng làm chi;
Tiền-bạc cho nhiều mặt hi-hởn.*

Ai về trường gấm vui duyên, riêng Trần-thị hận tình tràn ngập.

Đôi vợ chồng mới ấy, những tưởng đến trăm năm đầu bạc, chẳng dè không mấy lúc mà căng-đẳng để bỏ nhau.

Nghe tin Nguyễn hữu Đức chồng vợ bất hòa, lòng Trần-thị thêm một vết thương đau, chán-ngán:

*Đôi lòng chúng nó quá liu-chiu.
Tìm kiếm nơi mô lúa gạo nhiều
Xem thấy lớn bề mừng hớn-hở,
Nào hay mắc phải giống linh-miêu.*

Tuy cười-cợt, chán-ngán, nhưng rồi Trần-thị cũng

TRẦN NGỌC LẦU

không khỏi thương-nhớ đến người đã phụ mình. Cho nên khi nghe tin Nguyễn hữu Đức bệnh rồi mất, Trần-thị buồn-rủn, xuất mồ-hôi, trào nước mắt, thốt nên câu tuyệt diệu, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu :

*Phụng Lãm ơi ! người ở chốn nào,
Ba-mươi sáu tuổi một đời sao ?
Tưởng câu cộng tháp mồ-hôi đỏ,
Nhắc chuyện tri-âm nước mắt trào.
Chôn khối văn-linh trời đất nhẽ,
Đứt dây cầm-nguyệt ruột gan bào.
Cảnh đời vật đổi xem buồn nghiêng,
Nhạn nhớ chừng mây, cá nhớ ao.*

Một thiên tình-sử bi-đát trong một đời Trần-thị như thế, nhắc đến tưởng cũng không đến nỗi không hứng vị.

Tài-tình rất mực, khách má hồng thường gặp cảnh thương tâm. Khốn-khổ phong-trần, rõ thật trời xanh ghen tài sắc.

Từ ấy, Trần ngọc Lầu không thiết gì đến việc làm thơ nữa. Đến khi mất, tuổi ngoài 70.

Nguyễn hữu Đức

Ý-TRUNG-NHÂN CỦA TRẦN NGỌC LẦU

Nguyễn hữu Đức, người mà Trần ngọc Lầu đã chỉ thiết mến-yêu, vốn người tỉnh Vĩnh-long. Nhà nghèo, hiếu học, xuất thân làm thông-ngôn, dần thăng đến đốc-phủ-sứ. Nhưng số-mệnh vắn-vỏi, 36 tuổi đã lìa đời.

Ngoài những bài thơ xướng, hoạ với Trần ngọc Lầu, Nguyễn hữu Đức còn có một bài thơ được hầu hết khách văn-chương khen-ngợi :

*Tiên-châu giăng trước Vĩnh-lòng thành,
Đáy rộn-rục nhiều, đó vắng tanh.
Khuất nửa cổ cây nhà trắng trắng,
Chia hai trời nước liễu xanh xanh.
Cảnh người ngày tháng ba tháng mực,
Chùa phật hôm mai một tiếng kinh.
Danh-lợi vì đáy lòng chẳng tưởng,
Bốn mùa phong-cảnh có ai tranh.*

Lê quang Chiêu

NGƯỜI CÓ LÒNG YÊU TRẦN NGỌC LẦU

Chẳng riêng gì Nguyễn hữu Đức có tình cùng Trần ngọc Lầu, Lê quang Chiêu cũng đã từng cùng Trần ngọc Lầu tỏ niềm dan-díu. Và cũng như Nguyễn hữu Đức, Lê quang Chiêu vẫn đã nổi danh phong-lưu tài-tử một thời, văn-chương cũng được đời truyền-tụng. (1)

Người đời sở dĩ còn nhắc đến Lê quang Chiêu nhiều, vì lòng ấy dù sao cũng chẳng đến nổi tệ, qua 10 bài họa thơ *Tôn thọ Tường* (2), và 10 bài liên-hoàn thủ-vĩ ngâm « *Tự thuận giải chức* » (cai-tổng) rất thâm-trần :

I

*Nhợ lễ mừng đã giải khỏi qua,
Giải rồi mời phỉ tấm lòng ta.
Dây ben máng cánh thêm ràng-buộc,
Mộc ký đeo lưng khó khỏe hòa.
Có thóc gà lồng nôi nước cạn,
Không lương hạc nội đất trời xa.
Sao bằng ở thế vui theo thú,
Bốn bề đâu đâu cũng có nhà.*

II

*Có nhà phải đủ thuê cùng xâu,
Xâu thuê xong rồi há sợ đâu.*

(1) Tác-giả bộ « *Quốc-ám thi hiệp tuyển* » xuất-bản năm 1903

(2) Xin xem 2 tập « *Phan văn Trị* » và « *Tôn thọ tường* » có sao lục đủ các bài họa (nhà Tân Việt đã xuất-bản)

Ba chén rượu đào hơi sốt-sắng,
Ít bài thơ lý tứ cao-sâu.
Miễn ta giữ trọn niềm ngay-thảo,
Dung thể dầu kêu tiếng ngựa-trâu.
Ông Lữ một cần câu Vĩ-thủy,
Xe Châu đón rước cũng phong hầu.

III

Phong hầu ta cũng chọn theo thì,
Phú-quý như vậy nghĩ chẳng chi.
Mượn thú phong-hoa cùng tuyết-nguyệt,
Vui tòng thi họa với cầm kỳ.
Cái sinh đã lộn trong trần-cấu,
Gìn-giữ cho tròn lúc loạn-ly.
Nín-nằm theo thì mà xử thế,
Trối ai gièm-siểm, trối ai khi.

IV

Ai khi trối kệ chả thêm lo,
Ta biết lòng ta chúng khó dò.
Biển rộng mình mình thuyền dễ lướt,
Trời cao lộng lộng thước khôn đo.
Phủi niềm tục-lợi ăn rồi ngủ,
Vui thú thanh-nhàn đuổi lại co.
Ngoảnh thấy người đời thương-xót nhẽ,
Lấy câu nguyên thể giữ bo bo.

V

Bo bo hằng giữ lấy công-danh,
Thấy đồ thì giành khác trẻ ranh.
Chồn mượn lối hùm quen lâu-táu,
Gà đeo lông phụng cũng song-sanh.
Đạo mòn ít mặt nên tài cả,
Gươm bén to gan buộc chỉ mảnh.
Cổ cứng gió mau nào lướt dặng,
Như vậy mới phải dạng hùng-anh.

VI

Hùng-anh chỉ cả bốn phương trời,
Dạ sắt lòng son há đổi dời.
Nhà đột mưa đêm khôn khoẻ giấc,
Thuyền chầy gió ngược khó buong khơi.
Nhà nghèo tri vẫn sao đành dạ,
Đất rộng trời cao khó tỏ lời.
Cay-đắng thế nào hay thế ấy,
Chờ cho phụng gày sẽ ra đời.

VII

Ra đời dạy-dỗ chúng dân thơ,
Kẻ đề lãng-xãng giống cuộc cờ.
Bờ côi nhộn-nhàng xe-ngựa mới,
Quan quân dời-đời áo-xiêm xưa.
Nhắm mồi chữa dứt cơn giông-tổ,
Thì đập cho qua lúc gió mưa.
Hề đừng anh-hùng đừng bỏ chí,
Dẫu xưa Ngu Thuấn cũng cày-bừa.

VIII

Cày-bừa mới có hột tinh lương,
Bầu nước nuôi dân chờ thị thưởng.
Ngọc trắng phải dành đời bát loạn,
Cuốn vàng lua giữ đạo văn-chương.
Cơn bình hiểm kẻ lời trung-lin,
Gặp dữ không người sức đảm-đương.
Lông xấu giấu sao cho được kín,
Dù trong phế-phủ cũng xem lường.

IX

Xem tường dạ tốt mới lòng giao,
Có đó cùng đây mới bước vào.
Há dễ một cây làm được núi,
Phải cho nhiều gốc cắm nền rào.

*Quan-hầu ở Ngụy danh càng chói,
Gia-cát về Lưu tiếng nổi phao.
Mai một rồng mây vầy hội cả,
Day tay cho rõ mặt anh-hào.*

X

*Rõ mặt anh-hào phỉ chí ta,
Non xanh mấy thuở tác cho già.
Ba thu mây khói lờ cung nguyệt,
Chín hạ nắng nào héo thức hoa.
Người ngỏ yêu nhau vì nghĩa cả,
Ngựa hay biết sức bởi đàng xa.
Nên hư mặc thế chen vào bụi,
Nhợ tở mừng đà giải khỏi qua.*

Tâm-hồn Lê quang Chiêu đáng yêu là thế, dù sao cũng còn hơn Tôn thọ Tường một bậc.

Trần ngọc Lầu, trong dịp xuống Cần-thơ, gặp Lê quang Chiêu, trao đổi văn-chương, đôi lòng cùng có cảm-tình. Đến nay, cuộc tình duyên ấy hãy còn lưu lại một bức thư của Lê quang Chiêu gửi cho Trần-thị, được truyền-tụng trong làng văn.

Nguyên văn bức thư bằng chữ hán, và Lê quang Chiêu lại tự dịch ra quốc-âm :

*Hễ là giải kết đồng tâm,
Nguyễn câu giai lão trăm năm làm kỳ.
Kể từ qua, bậu phân-ly,
Tham hồng tích lục ngày thì biếng ăn.
Cơ hoa khát nguyệt đôi ngần,
Đêm không an gối ngày hằng xốn-xang.
Xem kia cây cỏ khắp ngàn,
Cái sầu trăm mối ngồn-ngang bén lòng.
Thui thui khói tỏa mây lồng,
Đoái nhìn khôn giải thảm trong lòng vàng.*

Lòng ta tưởng-nhớ trăm đàng,
Xem tin chẳng đến lụy trần không ngại.
Biết ta, lòng dạ lo chờ,
Kẻ không biết hỏi thần-thơ biết gì.
Đó đây quyết một trọn nghì,
Nói chi dài vẫn nên nghi dạ nàng.
Ngày xưa có nói rõ-ràng,
Nghĩa tơ đã định nghìn vàng khôn sai.
Tuy nay sáu lễ chưa bày,
Song đà thề-thốt duyên-hải trăm năm.
Đá vàng tình vốn đã thâm,
Hòa cho in vụn sắt cầm mới hay.
Người đời ai chẳng đắng-cay,
Hết cơn cay-đắng lại day ngọt-bùi.
Khuyên đừng thấy vậy ngậm-ngùi,
Mà mang lấy bệnh mà bồi lấy thương.
Cổ thi có nói thường thường :
Phải xem cho đến mới tường cạn sâu.
Minh-quân lương-lễ dễ cầu,
Giai-nhân tài-tử khôn ầu sẵn dành.
Tuy thua Giáng Tuyết, Như Hoành,
Giai-nhân tài-tử đã đành buổi nì.
Dù mà nghiêng úp lưu ly,
Lòng kia phải giữ trọn nghì mới hay.
Bởi vì công sự không ngày,
Lãng-xăng nhiều việc chẳng rày hỏ không.
Ngày tuy lui tới không thông,
Đêm nằm mơ-tưởng như đồng thấy nhau.

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	<i>Trang</i> V
----------------------------	-------------------

SƯƠNG NGUYỆT ANH

Treo cao giá ngọc	11 — 12
Bạc phận hồng-nhan.. .. .	13 — 17
Tình với nước non	18 — 20
Rộng yêu nhân-loại	21 — 23
Một vài dật-sự.. .. .	24 — 26
Công-luận phẩm-bình	27 — 29

TRẦN KIM PHỤNG

Anh-hoa phát-tiết.. .. .	33 — 35
Họa thơ thừa tài.. .. .	36 — 39
Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa	40 — 43

TRẦN NGỌC LẦU

Nguyễn hữu Đức	45 — 55
Lê quang Chiêu	56
Mục-lục	57 — 61
	62

CÁC NGÀI HIỆU-TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG
CÁC NGÀI PHỤ - HUYNH HỌC - SINH

nên khuyến - khích
các con em đọc các
thứ sách trong
TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GUƠNG — TÂN VIỆT »

ĐÃ CÓ BÁN

1. — Nguyễn Thái Học	giá 40đ
2. — Phan Chu Trinh	giá 42đ
3. — Phan Văn Trị	giá 20đ
4. — Huỳnh Mẫn Đạt	giá 18đ
5. — Phan Bội Châu	giá 52đ
6. — Nguyễn Đình Chiểu	giá 48đ
7. — Phan Đình Phùng	giá 67đ
8. — Lương Ngọc Quyến	giá 25đ
9. — Trên giòng sông Vị	
(Trần Tế Xương)	giá 25đ
10. — Hàn Mạc Tử	giá 50đ
11. — Tôn Thọ Tường	giá 28đ
12. — Phan Thanh Giản	giá 25đ
13. — Võ Trường Toản	giá 20đ
14. — Nguyễn Khuyến	} (đang in)
15. — Nguyễn Trường Tộ	

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT

235, Phan Thanh Giản — Saigon

SƯƠNG NGUYỆT ANH
của Nam Xuân Thọ do
nhà TÂN VIỆT xuất-bản
và giữ bản quyền—kỳ thứ
nhất in xong ngày 25-10-
1957 tại nhà in riêng
của nhà xuất-bản
